TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2024 /DS-PT Ngày: 27/3/2024 "V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Ông Trịnh Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 53/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về "*Tranh hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2024/QĐPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Chị Trầm Thị H, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Huỳnh Thụy Mai T, sinh ngày 20/5/1982. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn*:* Chị Hồ Thị C, sinh năm 1976. (có mặt)

Anh Châu Tấn L, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người kháng cáo: Bà Trầm Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2021 nguyên đơn chị Trầm Thị H trình bày: Chị có cho vợ chồng chị Hồ Thị C và anh Châu Tấn L vay từ ngày 04/5/2020 đến ngày 03/ 9/2020 tổng cộng 07 lần với số tiền 1.010.000.000 (Một tỷ không trăm mười triệu) đồng với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay khi nào chị cần thì sẽ trả lại. Sau khi vay tiền thì chị C và anh L có đóng lãi được 04 lần của lần vay ngày 04/5/2020 tổng cộng với số tiền 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng thì không tiếp tục đóng lãi cũng như không trả nợ gốc cho chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện D xem xét, giải quyết buộc chị Hồ Thị C và anh Châu Tấn L phải trả cho chị số tiền vốn gốc bằng 1.010.000.000 (Một tỷ không trăm mười triệu) đồng và lãi suất tính từ ngày vay cuối cùng ngày 05/9/2020 cho đến ngày 18/10/2021 bằng 226.127.777 đồng (1.010.000.000 đồng x 20%/tháng x 13 tháng 13 ngày), tổng cộng là 1.236.127.777 đồng và lãi suất cho đến khi thi hành án xong.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 01/3/2022 bị đơn chị Hồ Thị C trình bày: Chị thừa nhận trong khoảng thời gian từ ngày 04/5/2020 đến ngày 03/9/2020 chị có vay của chị Trầm Thị H tổng cộng 07 lần với số tiền 1.010.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, mục đích vay của chị là cho những người khác vay lại để lấy lời, không nhằm sử dụng sinh hoạt trong gia đình, việc vay tiền của chị H là do bản thân chị trực tiếp đứng ra vay và ký tên trong biên nhận với chị H, anh Châu Tấn L không có ký tên biên nhận cũng như không biết việc vay tiền của chị. Do điều kiện làm ăn khó khăn nên chị chưa có khả năng trả số tiền nợ trên cho chị Trầm Thị H. Nay chị thống nhất trả số tiền vay còn nợ và lãi suất theo yêu cầu của chị Trầm Thị H.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2022 bị đơn anh Châu Tấn L trình bày: Anh với chị Hồ Thị C có quan hệ là vợ chồng nhưng anh không việc vay tiền giữa vợ chồng anh với chị Trầm Thị H vì không ai nói cho anh biết, hơn nữa chị C cũng không đen tiền về cho gia đình. Sau này anh mới hỏi thì chị C nói vay tiền của chị H về để bù đắp tiền hụi, tiền vay, tiền các thứ giữa chị C và các chủ nợ khác. Nay anh không đồng ý trả cho chị Trầm Thị H số tiền vay 1.010.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay cuối cùng ngày 05/9/2020 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D đã xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trầm Thị H.

Buộc chị Hồ Thị C phải trả cho chị Trầm Thị H số tiền nợ gốc 1.010.000.000 đồng và tiền lãi 412.997.769 đồng, tổng cộng là 1.422.997.769 (Một tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi chín) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Trầm Thị H buộc anh Châu Tấn L có trách nhiệm liên đới cùng chị Hồ Thị C trả số tiền nợ gốc và lãi là 1.422.997.769 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 02/10/2023 chị Trầm Thị H kháng cáo yêu cầu buộc anh Châu Tấn L cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay vốn gốc bằng 1.010.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 05/9/2020 cho đến khi thi hành án xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và các bên đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ tại phiên tòa phúc thẩm.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện ban hành văn bản tố tụng và tống đạt các văn bản chuyển hồ sơ sang cho VKS đầy đủ và đúng theo quy định bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thực hiện đúng về thời hạn xét xử phúc thẩm và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ về trình tự, thủ tục phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên toà hôm nay nhận thấy: Chị H yêu cầu buộc chị Hồ Thị C và anh Châu Tấn L cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay vốn gốc bằng 1.010.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 05/9/2020 cho đến khi thi hành án xong là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của chị Trầm Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Châu Tấn L được Tòa án triệu hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc vắng mặt của anh Châu Tấn L Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án cũng không ảnh hưởng đến quyền và L ích của anh Châu Tấn L, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1] Đơn kháng cáo của chị Trầm Thị H còn trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Trầm Thị H không đồng ý với án sơ thẩm buộc chị Hồ Thị C mà không buộc anh Châu Tấn L cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay vốn gốc bằng 1.010.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 05/9/2020 cho đến khi thi hành án xong. Hội đồng xét xử nhận thấy: khi khởi kiện chị Trầm Thị H có cung cấp cho Tòa án 07 biên nhận nợ (bút lục 03 đến bút lục 09) với số tiền trên 07 biên nhận là 1.010.000.000 đồng, biên nhận do một mình chị Hồ Thị C ký, không có bút tích của anh Châu Tấn L và một giấy hẹn trả nợ cũng do một mình chị Hồ Thị C ký, không có bút tích của anh Châu Tấn L. Theo biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2022 anh Châu Tấn L trình bày việc vay tiền giữa vợ anh là chị Hồ Thị C với chị Trầm Thị H không ai nói cho anh biết, hơn nữa chị C cũng không đem tiền vay của chị H về sử dụng mục đích chung cho gia đình. Sau này anh mới hỏi thì chị C nói vay tiền của chị H về để bù tiền hụi, tiền vay, tiền các thứ giữa chị C và các chủ nợ khác. Tại phiên tòa hôm nay chị C khai, mục đích chị vay tiền của chị H là cho những người khác vay lại để lấy lời, không nhằm sử dụng sinh hoạt trong gia đình, việc vay tiền của chị H là do bản thân chị trực tiếp đứng ra vay và ký tên trong biên nhận nhận nợ, anh Châu Tấn L chồng chị không biết việc vay tiền của chị với chị H, chị H cũng không chứng minh được việc anh Châu Tấn L có cùng chị C vay tiền của chị, do đó Tòa án sơ thẩm chỉ buộc một mình chị C không buộc anh Châu Tấn L liên đới trả nợ cho chị là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người đại diện theo ủy quyền cho chị Trầm Thị H cũng trình bày là không có gì để chứng minh về việc anh Châu Tấn L có vay tiền chị H. Nên việc kháng cáo của chị Trầm Thị H không có căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[3] Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp với tài liệu chứng cứ, khách quan của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Buộc chị Trầm Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trầm Thị H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Buộc chị Hồ Thị C trả cho chị Trầm Thị H số tiền nợ gốc 1.010.000.000 đồng và tiền lãi 412.997.769 đồng, tổng cộng là 1.422.997.769 (Một tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi chín) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Trầm Thị H buộc anh Châu Tấn L có trách nhiệm liên đới cùng chị Hồ Thị C trả số tiền nợ gốc và lãi là 1.422.997.769 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi chín) đồng.

Về án phí phúc thẩm: Chị Trầm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019207 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành